

Bản án số: 384/2019/HS-PT
Ngày: 25 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Lê Tư

Ông Mai Xuân Thành

- **Thư ký phiên tòa:** ông Bùi Ngọc Đức, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa: Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 346/2019/TLPT-HS ngày 10 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Duy P và đồng phạm về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Do có kháng cáo của các bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2019/HSST ngày 29-8-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

* *Bi cáo có kháng cáo:*

1. Nguyễn Duy P, sinh ngày 14/02/1994 tại thành phố Đà Nẵng.

Nơi cư trú: Tổ 05, thôn T, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Nguyễn Thị Diệu L và có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/03/2018, có mặt.

2. Phan Thị Bích N1, sinh ngày 12/11/1988 tại Đồng Tháp.

Nơi cư trú: Ấp 2, xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Tháp; nơi tạm ở trước khi bị bắt: số 01 đường P1, phường A, quận T3, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao

động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Đ và bà Phan Thị Tr; sống chung như vợ chồng với Phạm Minh T4 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/4/2018; có mặt.

3. Phan Tấn Đ1, sinh ngày 30/10/1994 tại Đồng Tháp.

Nơi cư trú: Ấp 2, xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Đ và bà Phan Thị Tr; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt vào ngày 18/9/2018, có mặt.

** Người bào chữa cho các bị cáo:*

- Luật sư Trần Tuấn L - Công ty Luật TNHH HTV H thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy P, có mặt.

- Luật sư Bùi Xuân N - Văn phòng luật sư L thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa cho Phan Thị Bích N1, có mặt.

- Luật sư Trần Minh H - Văn phòng luật sư G thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phan Tấn Đ1, có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Nguyễn Ngọc Xuân M - sinh năm 1998; Nơi cư trú: 93 đường N1, phường T5, Thành phố T6, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Nguyễn Đình C - sinh năm 1972; nơi cư trú: 166 đường Đ2, quận T3, Thành phố Đà Nẵng; là người đại diện theo ủy quyền cho Công ty TNHH MTV du lịch ĐN, vắng mặt.

- Tống Nữ Hoài A - sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ 13, phường H3, quận C1, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Lê Thị Ngọc E- sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp Đ3, xã Ng, huyện T7, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 29/03/2018, tại điểm giao dịch bán vé của nhà xe ĐN, số 166 Đường Đ2, quận T3, thành Đà Nẵng; Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận T3 thành phố Đà Nẵng phối hợp với Công an phường C2,

quận T3 tiến hành kiểm tra valy hiệu Fila mà Nguyễn Duy P đến nhận, phát hiện bên trong có chứa ma túy.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 gói ny lông bên trong có chứa 100 viên nén màu xanh hình giọt nước, bên trên mỗi mặt đều khắc hình điện thoại, (ký hiệu G1).
- 01 gói ny lông kích thước 5x8cm bên trong chứa tinh thể màu trắng, P khai là ma túy dạng khay (ký hiệu G2).
- 01 gói ny lông kích thước 2,5x2cm bên trong chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu G3).
- 01 gói ny lông bên trong có chứa 1/2 viên nén màu xanh hình hoa (ký hiệu G4).
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu vàng loại 3310 số seerri 356002088599127, sim số 0905.623.462.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu tím loại S8i, sim số 01288403897.
- 01 xe mô tô có lốc máy Yamaha, màu xanh có hiệu 125Z, số khung XC125- 990083, số máy 5BU000 gắn biển kiểm soát 53R4 - 6153.
- 01 valy hiệu Fila.

Quá trình điều tra xác định được: Trong khoảng thời gian từ ngày 17/3/2018 đến ngày 29/3/2018, Nguyễn Duy P, Phan Thị Bích N1, Phan Tấn Đ1 đã nhiều lần mua ma túy của các đối tượng Dũng, Mon, Tú (chưa rõ nhân thân lai lịch) về sử dụng và bán lại cho đối tượng tên Hiếu (chưa rõ nhân thân lai lịch) cụ thể như sau:

Lần 01: Chiều ngày 17.3.2018, P, N1 và Hiếu đang ngồi uống nước mía tại đường B1, thành phố Đà Nẵng; Hiếu nhờ P và N1 mua ma túy thuốc lắc thì P và N1 đồng ý. N1 liên hệ với Dũng mua với giá 200.000đ/viên, rồi P, N1 bán lại cho Hiếu với giá 280.000đ/viên. Ngày 18.3.2018, tại đường Võ Nguyên Giáp, Hiếu đưa cho N1 số tiền 28.000.000đ để mua 100 viên ma túy thuốc lắc. P và N1 liên hệ với Dũng hỏi mua 150 viên ma túy thuốc lắc, Dũng nói 29.000.000đ, P và N1 đồng ý. N1 gọi điện cho Đ1 - là em ruột của N1, nhờ mua ma túy để tổ chức sinh nhật thì Đ1 đồng ý. Khoảng 19h35' cùng ngày, P điều khiển xe mô tô gắn BKS: 53R4-6153 chở N1 đi đến cửa hàng Viettel (địa chỉ: số 95 đường H1, Tp. Đà Nẵng), N1 chuyển cho Đ1 số tiền 29.000.000đ (trong đó 28.000.000đ của Hiếu và 1.000.000đ N1 và P bỏ thêm vào). Đ1 nhận được tiền thì thông báo lại cho N1, N1 gửi số điện thoại của Dũng qua cho Đ1. Đ1 liên hệ với Dũng gặp tại quận Gò vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Đ1 đưa cho Dũng số tiền 29.000.000đ, Dũng đưa cho Đ1 150 viên ma túy thuốc lắc, Đ1 cất ma túy trong gói quần áo rồi mang ra gửi nhà xe khách tuyến Nam - Bắc (không rõ nhà xe) cho N1. Đến chiều ngày 19.3.2018, khi P, N1, Hiếu

đang đi chơi với bạn tại thành phố Huế thì nhà xe liên hệ với N1 nói ra nhận hàng, P nói với nhà xe giao nhận hàng tại đường tránh thành phố Huế. Sau khi nhận ma túy P, N1 kiểm tra thì có 150 viên thuốc lắc, sau đó đưa cho Hiếu 100 viên thuốc lắc, số còn lại P, N1 sử dụng hết.

Lần 2: Chiều ngày 27.3.2018, Hiếu, Phong, P và N1 ngồi uống cà phê trên đường Phan Thanh, thành phố Đà Nẵng; Hiếu đưa cho N1 21.000.000đ nhờ mua 100 viên ma túy thuốc lắc, N1 và P đồng ý. N1, P liên hệ với Mon hỏi mua 100 viên ma túy thuốc lắc và 10 gam ma túy “khay”, Mon báo giá 32.0000.000đ (100 viên thuốc lắc giả 20.000.000đ, 10 gam ma túy “khay” giá 12.000.000đ). N1 liên hệ với Đ1 nhờ giúp mua ma túy nhưng Đ1 không đồng ý. Đến khoảng 17h cùng ngày, P điều khiển xe mô tô gắn BKS: 53R4-6153 chở N1 đến cửa hàng Viettel (địa chỉ: số 01 đường N2, Tp. Đà Nẵng), N1 chuyển cho Đ1 số tiền 32.000.000đ (trong đó 21.000.000đ của Hiếu, 10.000.000 đồng trước đó mượn của Nguyễn Ngọc Xuân M - là bạn của N1 và 1.000.000đ N1 và P bỏ thêm vào), N1 liên lạc lại với Đ1 nhờ mua ma túy thì Đ1 đồng ý. N1 gửi số điện thoại của Mon qua cho Đ1. Đ1 liên hệ với Mon gặp tại quận Gò vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Đ1 đưa cho Mon 32.000.000đ, Mon đưa cho Đ1 04 gói ma túy (trong đó: 02 gói chứa 100,5 viên thuốc lắc, 02 gói ma túy khay). Đến sáng ngày 28.3.2018, Đ1 mang số ma túy trên bỏ vào valy quần áo gửi ra cho N1 qua nhà xe ĐN. Đến 16h30' ngày 29.3.2018, nhà xe ĐN liên lạc với N1 ra lấy đồ thì P bảo để P đi lấy; khi P đến nhận valy bên trong có chứa ma túy do Đ1 gửi ra thì bị bắt quả tang.

Lần 03: Khoảng 15h ngày 29.3.2018, P, N1, Hiếu ngồi uống cà phê trên đường Hoàng Diệu, thành phố Đà Nẵng. Do tưởng ma túy Đ1 gửi ra lần 2 bị công an tỉnh Phú Yên bắt nên Hiếu đưa cho P, N1 số tiền 26.000.000đ và số điện thoại của Tú nhờ P, N1 đến đường H2, thành phố Đà Nẵng gặp Tú để lấy ma túy thì P, N1 đồng ý. P điều khiển xe mô tô mang BKS: 53R4-6153 chở N1 đến đường H2, thành phố Đà Nẵng đến gặp Tú. P để N1 ngồi ở quán cà phê rồi một mình đến gặp Tú; P đưa cho Tú 26.000.000đ, Tú đưa cho P 01 gói ny long bên trong có chứa ma túy. P quay lại đưa ma túy cho N1 rồi chở N1 về phòng trọ số 01 đường P1, phường A, quận T3, thành phố Đà Nẵng. Trên đường về thì nhà xe ĐN liên hệ với N1 ra lấy đồ do Đ1 gửi, thì P bảo để P đi đến nhà xe ĐN nhận đồ còn N1 mang ma túy vào phòng trọ cất giấu. Đến khoảng 19h cùng ngày, Phong (không rõ lai lịch - bạn của Hiếu) đến phòng trọ lấy gói ma túy này thì N1 đưa ma túy cho Phong.

Sau khi biết P bị bắt, ngày 11.4.2018 Phan Thị Bích N1 đến Cơ quan CSĐT Công an quận T3 đầu thú. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ của Phan Thị Bích N1: 01 điện thoại di động hiệu Vivo số Imel: 864835037246778; 01 điện thoại di động hiệu Viettel, số Imel: 359429061864177; 01 chứng minh nhân dân tên Phan

Thị Bích N1; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Duy P; 01 giấy đề nghị chuyển tiền.

Tại kết luận giám định số 49/GĐ-MT ngày 06/04/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận:

- Mẫu viên nén trong bì niêm phong ký hiệu G1 gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu viên nén G1 là 35,247gam.

- Tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu G2 và G3 gửi giám định đều là ma túy, loại Ketamin, khối lượng tinh thể mẫu G2 là 9,691gam; G3 là 0,476gam.

- 1/2 viên nén trong bì niêm phong ký hiệu G4 gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng mẫu G4 là 0,198gam.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 51/2019/HSST ngày 29-8-2019, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Duy P, Phan Thị Bích N1 và Phan Tấn Đ1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

1. Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 BLHS; Xử phạt: Nguyễn Duy P 15 năm 06 tháng tù (Mười lăm năm sáu tháng tù); thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/03/2018.

2. Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 BLHS; Xử phạt: Phan Thị Bích N1 15 năm 06 tháng tù (Mười lăm năm sáu tháng tù); thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/04/2018.

3. Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 5.8 BLHS; Xử phạt: Phan Tấn Đ1 15 năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/09/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 07/9/2019, bị cáo Nguyễn Duy P có đơn kháng cáo với nội dung: việc liên lạc mua ma túy là do N1 thực hiện, bị cáo là người đi lấy và không xác định được có ma túy hay không nên bị cáo không phạm tội mua bán trái phép chất ma túy và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét làm sáng tỏ vụ án, xét xử bị cáo mức hình phạt phù hợp.

- Ngày 10/9/2019, bị cáo Phan Thị Bích N1 có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng đối với bị cáo và em trai bị cáo, xin được cứu xét để vụ án được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

- Ngày 10/9/2019, bị cáo Phan Tấn Đ1 có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử là quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo; mức án của bị cáo so với mức án của bị cáo Nguyễn Duy P và Phan Thị Bích N1 chưa cho thấy mức độ hành vi và nhận thức, vai trò của bị cáo trong vụ án; việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo can tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” chưa được khách quan, xin được xét xử theo trình tự phúc thẩm để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Duy P khai nhận rõ hành vi phạm tội và cho rằng bị cáo không phải là người chủ công trong việc mua ma túy, bị cáo trong thời gian ngắn do bức xúc từ việc mâu thuẫn gia đình nên mới đi chơi gặp bị cáo N1 rồi sa vào việc mua bán sử dụng ma túy, bị cáo không biết người bán ma túy, xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Phan Thị Bích N1 thừa nhận hành vi phạm tội, nhưng cho rằng bị cáo không phải là người chủ công trong việc mua ma túy và xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Phan Tấn Đ1 khai nhận vì lý do thương Chị ruột của mình là bị cáo N1 nên đi lấy ma túy giúp, không hưởng lợi gì, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và đề nghị: trong vụ án này, hai bị cáo P và N1 đều có vai trò như nhau, tuy nhiên tính chất của hành vi phạm tội của bị cáo N1 là nguy hiểm hơn cho xã hội đó là rủ rê em mình phạm tội, trực tiếp liên hệ mua ma túy. Đối với bị cáo P có tình tiết giảm nhẹ mới là cáo thành tích cao trong học tập, đạt Giải ba môn Vật lý cấp thành phố Đà Nẵng, có người thân có công cách mạng được thưởng Huân chương bảo vệ Tổ quốc hạng nhì và bị cáo cũng được hưởng tình tiết tự thú do khai báo ra 02 lần phạm tội trước khi bị phát hiện, đề nghị áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Đối với bị cáo Đ1 do tính chất của hành vi phạm tội chỉ là giúp sức cho bị cáo N1, chỉ có 02 lần phạm tội, không hưởng lợi gì, là sinh viên mới ra trường đồng thời đánh giá mức độ của hành vi tham gia nên xem xét áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Còn đối với bị cáo N1 đề nghị án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo P và Luật sư bào chữa cho bị cáo Đ1 thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Luật sư bào chữa cho bị cáo N1 đề nghị xem hoàn cảnh của bị cáo N1 và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 29/03/2018, tại điểm giao dịch bán vé của nhà xe ĐN, số 166 Đường Đ2, quận T3, thành phố Đà Nẵng; Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận T3 thành phố Đà Nẵng phối hợp với Công an phường C2, quận T3 kiểm tra valy hiệu Fila của bị cáo Đ1 gửi cho bị cáo N1 mà bị cáo Nguyễn Duy P đi nhận thay, phát hiện bên trong có chứa ma túy.

Quá trình điều tra, từ việc khai nhận của các bị cáo đã xác định được: Trong khoảng thời gian từ ngày 17/3/2018 đến ngày 29/3/2018, Nguyễn Duy P, Phan Thị Bích N1, Phan Tấn Đ1 đã nhiều lần mua ma túy của các đối tượng Dũng, Mon, Tú (chưa rõ nhân thân lai lịch), về sử dụng và bán lại cho đối tượng tên Hiếu (chưa rõ nhân thân lai lịch) cụ thể như sau:

Ngày 18/3/2018 bị cáo N1 liên lạc với Dũng rồi nhờ bị cáo Đ1 đi mua của Dũng 150 viên ma túy với số tiền 29.000.000 đồng. Sau khi Đ1 chuyển ma túy từ thành phố Hồ Chí Minh ra thì P, N1 bán lại cho Hiếu 100.000 viên với giá 28.000.000 đồng, số ma túy còn lại N1, P sử dụng hết.

Ngày 27/3/2018, P, N1 liên hệ với đối tượng tên Mon hỏi mua 100 viên ma túy thuốc lắc và 10 gam ma túy “khay”, Mon báo giá 32.0000.000đ (100 viên thuốc lắc giá 20.000.000đ, 10 gam ma túy “khay” giá 12.000.000đ). Sau đó N1 chuyển tiền cho Đ1 để Đ1 đi đưa cho Mon để lấy 04 gói ma túy (trong đó: 02 gói chứa 100,5 viên thuốc lắc, 02 gói ma túy khay).

Khoảng 15h ngày 29.3.2018, Hiếu đưa cho P, N1 số tiền 26.000.000đ và số điện thoại của Tú nhờ P, N1 đến đường H2, thành phố Đà Nẵng gặp Tú để lấy một gói ma túy về đưa cho Phong.

Bản án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo P thì thấy bị cáo đã cùng bị cáo N1 03 lần mua ma túy rồi chuyển cho Hiếu nhằm kiếm lời chênh lệch. Số ma túy mua từ Dũng ở tại thành phố Hồ Chí Minh mà Dũng là người quen của bị cáo N1. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn nhận tội, thực sự tỏ ra ăn năn hối cải và cung cấp thêm các tình tiết mới là có thành tích học tập cao, từng đạt Giải 3 vật lý cấp thành phố Đà Nẵng, bị cáo ngoài lần bị bắt quả tang thì đã tự khai ra các lần mua bán ma túy trước khi chưa bị ai phát hiện nên được hưởng tình tiết tự thú (*lời khai ngày 13/4/2018 tại bút lục 100*); do vậy cần xem xét áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Đ1, bị cáo chỉ vì tình cảm mà giúp sức cho bị cáo N1 02 lần mua ma túy và không hưởng lợi gì, bị cáo có nhiều tình tiết giảm

nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú lần phạm tội trước; tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết có chú ruột là ông Phan Văn Dày là người có công cách mạng; xét mức độ của hành vi tham gia, về nhân thân và hoàn cảnh nên áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo N1 thì thấy: bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, bị cáo đã tự nguyện đầu thú và khai báo thành khẩn, khai ra các lần phạm tội trước nên cũng được hưởng tình tiết tự thú; tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết có chú ruột là ông Phan Văn Dày là người có công cách mạng tuy nhiên bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và đánh giá đầy đủ tính chất của tội phạm để xử phạt bị cáo 15 năm 06 tháng tù là hợp lý; đồng thời so với bị cáo P thì hành vi của bị cáo N1 là nguy hiểm cho xã hội hơn do có 02 lần trực tiếp mua ma túy và rủ rê em mình giúp sức để thực hiện hành vi phạm tội, do vậy không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[5] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là hợp lý, nên chấp nhận sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo P và Đ1, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo N1. Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[6] Các bị cáo có kháng cáo được chấp nhận thì không phải chịu án phí phúc thẩm, bị cáo kháng cáo mà không được chấp nhận thì phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Duy P, Phan Tấn Đ1; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Thị Bích N1.

- Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phan Thị Bích N1 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/04/2018.

- Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Nguyễn Duy P 13 (*mười ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/03/2018.

- Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật hình sự; xử phạt: Phan Tấn Đ1 13 (*mười ba*) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/09/2018.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo P và bị cáo Đ1 không phải chịu; bị cáo Phan Thị Bích N1 phải chịu 200.000 đồng.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long